

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2026/DS-ST

Ngày: 21 - 7 - 2026

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thuý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/QĐTS-DS ngày 04 tháng 7 năm 2026 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 108/2026/TB-TA ngày 04 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp n, xã T, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Trương Thị Bích T1**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp n, xã T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 22/10/2022 âm lịch vì cần tiền mua sắm đồ dùng, vật dụng cho ngư phủ đi ghe nên bà T1 có hỏi vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng và thoả thuận lãi suất là 5%/ngày. Khi nhận tiền vay bà T1 có ký giấy nhận nợ và cam kết đóng lãi đầy đủ nhưng sau đó bà T1 chỉ đóng lãi được ba ngày bằng

300.000 đồng thì ngưng đóng cho đến nay mà không trả vốn, trả lãi cho bà T mặc dù bà T đã nhiều lần đòi nợ.

Trong đơn khởi kiện bà T yêu cầu bà T1 phải hoàn trả số tiền vay là 20.000.0000 đồng cùng tiền lãi theo thoả thuận là 5%/ngày tính từ ngày 22/10/2022 âm lịch và tiếp tục trả lãi cho đến ngày trả hết nợ.

Tại phiên toà bà T thay đổi yêu cầu về phần lãi suất, bà T yêu cầu bà T1 phải trả số tiền vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ thời điểm vi phạm cho đến ngày trả hết nợ với mức lãi suất 20%/năm và không yêu cầu tính lãi suất chậm trả tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn bà Trương Thị Bích T1 đều vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không gửi ý kiến trình bày về nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Nguyên đơn cung cấp 01 mảnh giấy lập ngày 22/10/2022 có nội dung ghi nhận nợ của bà T1. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp phát sinh từ giao dịch dân sự và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã T, tỉnh An Giang, căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang và quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên toà: Bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Tại phiên toà bà T thay đổi yêu cầu về mức lãi suất, xét thấy nội dung yêu cầu thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung khởi kiện của bà T yêu cầu bà T1 trả số nợ vay 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đã được Toà án thể hiện trong Thông báo thụ lý vụ án và đã được tổng đạt hợp lệ cho bà T1, tuy nhiên bà T1 không có ý kiến phản đối nội dung khởi kiện của nguyên đơn đồng thời không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã thực hiện trả nợ. Căn cứ vào khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình khởi kiện bà T đã cung cấp chứng cứ chứng minh nghĩa vụ trả nợ của bà T1 là một mảnh giấy có nội dung bà T1 xác nhận vào ngày 22/10/2022 âm lịch bà T1 có thiếu nợ của bà T số tiền 20.000.000 đồng thể hiện có chữ ký của bà T1. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 không có ý kiến phản đối chứng cứ này và không cung cấp chứng cứ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ đó có cơ sở để xác định bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào các Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự cần buộc bà T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngoài yêu cầu trả nợ tiền vay, trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà T còn yêu cầu bà T1 trả tiền lãi với mức lãi suất 5%/ngày, mức lãi suất này là không phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tuy nhiên tại phiên toà bà T thay đổi yêu cầu về lãi suất chỉ yêu cầu bà T1 phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định về lãi suất tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Theo trình bày của bà T sau khi vay tiền vào ngày 22/10/2022 âm lịch bà T1 đã trả lãi cho bà T được 03 ngày, như vậy thời gian tính lãi được tính từ ngày 26/10/2022 âm lịch (tức ngày 19/11/2022 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 21/7/2026 là (03 năm + 08 tháng + 02 ngày), tiền lãi được tính như sau:

20.000.000 đồng x 20%/năm x (03 năm + 08 tháng + 02 ngày) = 14.688.583 đồng

Tổng số tiền bà T1 phải trả cho bà T tính đến ngày 21/7/2026 là: 20.000.000 đồng (Tiền nợ) + 14.688.583 (Tiền lãi) = 34.688.583 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/7/2026 bà T1 tiếp tục phải trả tiền lãi cho bà T theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm cho đến ngày trả hết số nợ.

[3] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà T không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 - An Giang tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[6] Về án phí của vụ án: Án phí của số tiền có nghĩa vụ thanh toán là 34.688.583 đồng bằng 1.734.429 đồng. Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên cần buộc bà T1 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật là 1.734.429 đồng. Bà T đã được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí khi thụ lý vụ án nên không xem xét việc hoàn trả.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Trương Thị Bích T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 34.688.583 đồng (Ba mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng), trong đó tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 21/7/2026 là 14.688.583

đồng (Mười bốn triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng). Việc trả nợ được thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/7/2026 bà Trương Thị Bích T1 tiếp tục phải trả tiền lãi cho bà Nguyễn Thị T theo mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm cho đến ngày trả hết số nợ.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Bà Nguyễn Thị T không có yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Bích T1 có nghĩa vụ nộp tiền án phí theo quy định là 1.734.429 đồng (Một triệu, bảy trăm ba mươi bốn nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng).

Bà Nguyễn Thị T đã được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí khi thụ lý vụ án nên không xem xét việc hoàn trả.

3. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 21/7/2026. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 8 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV7- An Giang;
- Phòng THADSKV7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Đinh Thị Thơm